

# ĐÔNG NAM Á TRONG CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG PHÁT XÍT, GIÀNH ĐỘC LẬP (1940 - 1945)

VŨ DUƠNG NINH\*

1. Cuộc chiến tranh thế giới thứ Hai chính thức bùng nổ tại châu Âu từ tháng 9-1939. Phải hơn hai năm sau, đến tháng 11-1941, chiến tranh mới lan đến khu vực Thái Bình Dương, mở đầu bằng việc quân phiệt Nhật bất ngờ tấn công những căn cứ của Hoa Kỳ ở Trân Châu Cảng (Hawaii).

Nhưng đối với Đông Nam Á (ĐNA) thì chiến tranh xâm lược của phát xít Nhật nên được tính từ tháng 9-1940 khi quân Nhật nổ súng tiến công Lạng Sơn và bắn phá uy hiếp Hải Phòng, buộc chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương phải lùi bước. Dưới con mắt của Tokyo khi đó thì Đông Dương chiếm một vị trí chiến lược rất quan trọng trong kế hoạch bành trướng của họ. Từ Đông Dương, quân Nhật có thể tấn công vào lãnh thổ miền Nam Trung Hoa, có thể mở đường "tiến xuống phương Nam" chiếm các vùng đất liền và hải đảo ở ĐNA, chặn ngang con đường hàng hải nối liền hai đại dương. Đông Dương còn là một kho lương thực, thực phẩm và nguyên liệu phong phú, có khả năng phục vụ nhu cầu chiến tranh của Nhật. Khi đó, nước Pháp đã rơi vào tay Đức, chính phủ Pháp do Pétanh đứng đầu đã đứng về phe phát xít nên chính quyền thực dân ở Đông Dương trở thành người đồng minh bất đắc dĩ của Nhật. Do vậy, Nhật không vội vàng loại bỏ bộ máy thuộc

địa của Pháp mà dùng sức ép chính trị và quân sự để buộc Pháp phải đáp ứng những yêu sách của mình. Bằng cuộc nổ súng ngày 22-9-1940, Nhật ép Pháp phải tiếp tục nhượng bộ theo những đòi hỏi ngày càng tăng của Nhật. Thông qua nhiều cuộc đàm phán và ký kết hiệp định, Pháp phải mở cửa Bắc Kỳ cho quân Nhật được tự do chuyển quân vào phía Nam Trung Quốc, được vận chuyển vũ khí, đạn dược qua đường sắt Hải Phòng - Hà Nội, Hà Nội - Lào Cai - Vân Nam, được sử dụng các sân bay ở phía Bắc Đông Dương. Tiếp đó, Hiệp định phòng thủ chung Nhật -Pháp ký ngày 29-7-1941 cho phép Nhật được sử dụng quân cảng Cam Ranh và 8 sân bay ở miền Nam Đông Dương, được tập trận và chuyển quân khắp địa bàn trên. Pháp phải nộp cho Nhật số tiền hàng tháng là 4,5 triệu đồng Đông Dương, không kể những khoản tiền phải cung phụng cho lực lượng quân Nhật đóng ở Bắc Kỳ từ trước. Tính chung, trong thời gian 1940-1943, Pháp đã phải cung cấp cho Nhật 2.581.470 tấn gạo và 266.079.510 đồng Đông Dương (1). Hơn nữa, Công ước về hàng hải và Hiệp định về chế độ thuế quan thương mại do hai bên ký tháng 7-1941 đã đặt nền kinh tế Đông Dương vào tay Nhật, Nhật thực sự là người chủ của kinh tế Đông Dương. Còn về mặt

\*GS. Đại học Quốc gia Hà Nội.

quân sự, Nhật sử dụng Đông Dương làm căn cứ xuất phát của hải quân và không quân tiến công các đảo Mã Lai, Brunây, Singapo, Philippin và Indônêxia. Toàn quyền Đông Dương Decoux thừa nhận: "Từ tháng 12 năm ngoái (1941), các lực lượng quân sự của Nhật xem Đông Dương như vị trí đóng quân, như một căn cứ xuất phát của chiến dịch tương lai" (2). Và trong thế bị lấn át mà không chống chọi được, Decoux đành rút ra kết luận về đối sách của mình: "tốt hơn hết là đừng thử một lần nữa với Nhật, sợ rằng sẽ mất ngay cả Đông Dương, không gì cứu vãn được" (3).

Cùng thời gian đó, Nhật xúi giục Thái Lan gây sự, tiến hành cuộc chiến tranh Pháp - Thái ở vùng biên giới phía Tây Đông Dương (11-1940) rồi đứng ra làm trung gian hòa giải để kìm chân Pháp và lôi kéo chính phủ Phibun Songkram ngả về phe Trục. Qua đó, Bàngcốc đã cho quân Nhật được hành quân ngang qua đất Thái.

Bầu không khí chiến tranh đã bắt đầu lan tỏa ở khu vực này. Cho nên, sự kiện 22-9-1940 nên được coi như mốc mở đầu cho tiến trình xâm lược của phát xít Nhật ở ĐNA.

2. Cuộc oanh kích của Nhật vào đảo Haoai (Mỹ) là tín hiệu mở rộng chiến tranh ra toàn Thái Bình Dương, thúc đẩy tiến trình bành trướng xuống phương Nam trong bài toán chiến lược của Tokyo. Chỉ trong 5 tháng sau sự kiện trên, quân Nhật lần lượt loại Mỹ ra khỏi đảo Guam, Uâyơ và Philippin; loại Anh khỏi Hồngkông, Mã Lai, Singapo và Miến Điện; loại Hà Lan khỏi Indônêxia. Các chính quyền thực dân Âu - Mỹ sau nhiều năm thống trị và bóc lột thuộc địa đã tỏ ra không đủ sức chống đỡ trước đòn tiến công của đội quân phát xít Nhật Bản. Trong khi đó, dưới chiêu bài Khối thịnh vượng chung Đại Đông-Á, Nhật

Bản đề cao mình như người giải phóng cho các dân tộc khỏi ách thống trị của thực dân da trắng, tuyên bố "trao trả độc lập" cho các nước ĐNA. Một số nhà sử học phương Tây cũng đánh giá vai trò của Nhật Bản trong thời gian Thế chiến II như là người truyền bá ý thức quốc gia dân tộc, tạo những tiền đề cho sự ra đời các nhà nước độc lập sau này. Phải chăng sự thực lịch sử là như vậy?

*Trước hết*, dưới con mắt của Tokyo, ĐNA là vùng địa chính trị có ý nghĩa chiến lược rất quan trọng đối với diễn tiến và kết cục của chiến tranh. ĐNA là kho tàng phong phú về sức người, sức của đáp ứng nhu cầu của chiến tranh. Chiếm được ĐNA là hất cẳng được bọn thực dân Âu - Mỹ, độc chiếm con đường huyết mạch Đông - Tây, biến nơi đây thành "vườn sau" của nước Nhật trong thời chiến cũng như thời bình. Cho nên giành giật nơi đây về tay mình, Nhật Bản không hề thực tâm muốn giải phóng cho các dân tộc ĐNA.

*Thứ hai*, chính sách cai trị của chế độ quân phiệt Nhật Bản tàn bạo không kém gì các đế quốc khác. Có thể dẫn ra nhiều sự thực nói lên cách đối xử dã man của quân lính và hiến binh Nhật đối với cư dân các địa phương, chế độ thuế khóa và ăn cướp của giới cầm quyền nhằm vơ vét của cải ở thuộc địa. Một trong những hậu quả điển hình cho tội ác của chế độ thống trị phát xít là nạn đói năm Ất Dậu ở miền Bắc Việt Nam mà trước hết và nghiêm trọng là ở vùng vựa lúa đồng bằng sông Hồng.

Đến nay, ở Nhật vẫn có người không muốn thừa nhận tội ác này. Nguồn tài liệu lưu trữ của Toà Đốc lý Hà Nội hiện còn giữ những bản báo cáo hàng ngày về số người tử các tỉnh về bị chết đói trên đường phố Hà Nội được cơ quan cứu tế nhật xác đem chôn (4). Có thể cộng các con số đó, tuy chưa thực chính xác, song nó nói lên rằng

nạn chết đói trầm trọng là có thật, kéo dài từ đầu năm cho đến hết tháng 7-1945 là khi vụ Chiêm được thu hoạch. Để tài "Điều tra về nạn đói năm 1945 ở Việt Nam" do các nhà sử học Việt Nam và Nhật Bản tiến hành đã cung cấp những thông tin quan trọng về sự kiện này. Chắc chắn rằng vụ chết đói thảm khốc này không thể coi là "món quà giải phóng" mà người Nhật ban tặng.

Nhà sử học Furuta Motoo, một người đồng chủ trì nghiên cứu về nạn đói năm 1945 đã bộc lộ tâm trạng của ông khi vừa là nhà nghiên cứu lịch sử với tinh thần khách quan, đồng thời vừa là công dân Nhật Bản thì nên nhận thức và hành động như thế nào trong công việc đầy khó khăn này. Có ý kiến khuyên ông "là người Nhật mà lại khơi ra chuyện này thì chẳng hay ho gì" hoặc "điều tra kiểu như thế này có nguy cơ làm phương hại đến quan hệ hai nước đang dần dần được cải thiện". Song ông đã xác định: "Tôi nghĩ rằng chính vì mình là người Nhật Bản nên tôi có nghĩa vụ tham gia làm rõ nạn đói năm 1945 (...) Khi người Nhật bắt đầu quan tâm tới trách nhiệm của Nhật Bản trong chiến tranh tức là chúng ta đã tham gia vào những vấn đề phổ biến mà cả nhân loại quan tâm như tố cáo tác hại của chế độ thực dân và chiến tranh đói với loài người". Và chính trong bối cảnh quan hệ giữa hai nước ngày càng được cải thiện, "chúng ta mới có điều kiện và cần thiết phải xem xét về nạn đói năm 1945. Phương châm ngoại giao của Việt Nam đối với Nhật Bản "Khép lại quá khứ, hướng tới tương lai" có ý nghĩa tích cực đối với cuộc điều tra này". Cuối cùng, câu hỏi ông nêu lên cùng chính là một thái độ được bày tỏ: "Điều đáng xấu hổ phải chăng là sự che đậy?" (5).

Mẫu chuyện dẫn ra trên đây vẫn mang ý nghĩa thời sự khi mà 60 năm sau chiến tranh, người ta viết lại lịch sử của thời đó.

*Thứ ba*, tiến đánh ĐNA. Nhật Bản khai thác lợi thế của thuyết "đồng văn, đồng chủng", đóng vai người "anh cả da vàng" để đặt các dân tộc châu Á trong vòng kiểm tỏa của mình. Do vậy, sau khi đánh đuổi các nước thực dân Âu - Mỹ, dưới chiêu bài Đại Đông Á, Nhật Bản tuyên bố "Trao quyền độc lập cho các quốc gia". Nhật tuyên truyền phương châm 3A: "Nhật là người lãnh đạo châu Á", "Nhật là người bảo hộ châu Á", "Nhật là ánh sáng của châu Á". Có 2 loại người nghe theo những lời đường mật đó: Một là những kẻ sẵn sàng bám chân Nhật vì lợi ích riêng tư, làm tay sai thực hiện mọi ý đồ của Nhật Bản; Hai là những người có tấm lòng yêu nước, nhưng đặt ảo tưởng vào sự giúp đỡ của Nhật, cộng tác với Nhật hòng giành được độc lập cho đất nước. Chính phủ Ba Mau ở Miến Điện, Lôren ở Philippin, Trần Trọng Kim ở Việt Nam... được dựng lên như thế đó. Nhà sử học D.G.E Hall đánh giá: "Phương pháp của họ là dựng lên các chế độ bù nhìn với vẻ độc lập bề ngoài. (...) Nhưng toàn bộ việc làm trên chỉ là đóng kịch, không hề dấu được sự rỗng tuếch của những lời hứa và tuyên truyền của Nhật" (6).

4. Tinh thần yêu nước chân chính đã thúc đẩy đông đảo nhân dân tham gia các mặt trận dân tộc thống nhất chống phát xít được hình thành trong hầu hết các nước ĐNA. Phong trào đấu tranh chống Nhật bùng nổ khắp nơi, trên quy mô rộng lớn, với mức độ quyết liệt nhưng mang nhiều xu hướng và hình thức khác nhau.

Sau trận Trân Châu Cảng, quân Nhật đổ bộ lên Philippin, chiếm toàn bộ quần đảo vào đầu năm 1942. Tướng Mỹ Mac Arter cùng bộ máy cai trị thực dân bỏ chạy khỏi Manila. Quân chiếm đóng đã lập một chính phủ do Lôren đứng đầu mang danh nghĩa "độc lập". Nhưng mọi hoạt động đều phải

tuân theo chỉ thị của các võ quan Nhật. Quần chúng nhân dân tiến hành cuộc kháng chiến chống Nhật, thành lập đội quân Hukbalahap (gọi tắt là Huk), năm 1944 đông tới 10 vạn người. Lực lượng Huk nhanh chóng phát triển trong cả nước, có mối liên hệ với người Mỹ, nhưng không giành được thắng lợi quyết định. Tháng 10-1944, quân đội Mỹ quay trở lại Philippin khôi phục quyền thống trị thực dân như cũ để đến năm 1946 mới "trao trả độc lập" cho Philippin với quyền tự trị rất hạn chế.

Chiếm được Miến Điện, ngày 1-8-1943 Nhật Bản tuyên bố Miến Điện là "một quốc gia có chủ quyền", tranh thủ những nhà trí thức yêu nước ở đây để thành lập bộ máy chính quyền do Ba Mau làm Quốc trưởng kiêm Thủ tướng, Aung San - Bộ trưởng Chiến tranh, U Nu - Bộ trưởng Ngoại giao, thủ lĩnh Đảng Cộng sản Thakin Than Tun làm Bộ trưởng Nông Lâm nghiệp. Đại tá Nê Uyn được cử làm Tư lệnh đội quân mang tên "Quân đội Quốc gia Miến Điện". Nhưng vừa đúng một năm sau, Aung San trong diễn văn kỷ niệm ngày Độc lập đã đặt câu hỏi: "Tự do là gì và nó đang ở đâu? Sự thực là Tự do mà chúng ta đang có ở Miến Điện hôm nay chỉ là trên giấy, nó đã biến mất từ lâu trước khi nó trở thành hiện thực" (7). Tháng 9-1944, các lực lượng chống Nhật, trong đó có nhiều thành viên của chính phủ Ba Mau đã tập hợp trong Liên đoàn nhân dân tự do chống phát xít. Đây là mặt trận dân tộc thống nhất tập hợp nhiều lực lượng như Đảng Cộng sản, Đảng Cách mạng nhân dân, Liên đoàn Thanh niên Đông Á, Quân đội quốc gia, nhiều đảng phái nhỏ và đại diện các dân tộc thiểu số. Đứng đầu Mặt trận này là Thakin Soe (Cộng sản) phụ trách chính trị và Aung San (Quốc gia) phụ trách quân sự. Ngày 27-3-1945, Quân đội quốc gia đã nổi dậy tấn công quân Nhật. Nhưng theo đường lối

hợp tác với quân Anh để chống Nhật, Thủ đô Rangun bị bỏ ngỏ đợi quân Anh trở lại nắm lấy quyền lực. Quân đội Quốc gia đổi thành Lực lượng yêu nước Miến Điện và lá cờ của Liên đoàn nhân dân tự do chống phát xít được tung bay bên cạnh lá cờ của nước Anh trong lễ mừng chiến thắng ngày 30-5. Có nghĩa là quân Nhật phải bỏ chạy nhưng nền độc lập của Miến Điện thì chưa tới, người Anh đã trở lại. Một thời cơ bị bỏ lỡ.

Trên bán đảo Mã Lai, phong trào đấu tranh du kích do những người cộng sản lãnh đạo phát triển khá bền bỉ và mạnh mẽ. Từ tháng 2-1940, Đảng Cộng sản Mã Lai đã đưa ra Cương lĩnh 10 điểm nhằm tiến tới một Nhà nước Cộng hòa dân chủ Mã Lai. Đầu năm 1943, ngay sau khi quân Nhật đổ bộ lên Singgapo, Đảng Cộng sản nêu rõ trong khi đấu tranh chống quân Nhật chiếm đóng thì đồng thời cũng chấm dứt chế độ bảo hộ của thực dân Anh và xóa bỏ nền quân chủ Mã Lai. Cương lĩnh mới nêu nhiệm vụ thiết lập chế độ cộng hòa đại nghị, làm chủ chính sách quan thuế và coi công nghiệp hóa là nhiệm vụ hàng đầu về kinh tế. Đồng thời xây dựng chế độ giáo dục không mất tiền với nhiều ngôn ngữ dân tộc; thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên Xô và Trung Quốc để "giải phóng các dân tộc bị áp bức phương Đông". Trên tinh thần đó, tháng 3-1943 lực lượng du kích đã thành lập Quân đội nhân dân Mã Lai chống Nhật. Đông đảo quần chúng hưởng ứng, tham gia mặt trận dân tộc thống nhất mang tên Liên hiệp nhân dân Mã Lai chống Nhật.

Nhưng đến tháng 5-1943, đã diễn ra sự phối hợp chống Nhật giữa lực lượng du kích Mã Lai với Bộ chỉ huy ĐNA của quân Đồng minh do đó đốc người Anh Maobattên đứng đầu, hình thành những đơn vị đặc biệt mang mật danh "Lực lượng 136". Theo thỏa thuận tháng 1-1944, Quân đội nhân dân

Mã Lai chống Nhật sẽ được tiếp tế vũ khí, đạn dược, thuốc nổ và trợ cấp hàng tháng. Đổi lại, đội quân này phải thi hành mệnh lệnh của Bộ chỉ huy Đồng minh trong thời gian chiến tranh cũng như trong thời kỳ quân quản sau này. Không có một điều khoản ràng buộc nào về mặt chính trị song trên thực tế, những người cộng sản đã ngưng việc thực hiện cương lĩnh của Đảng.

Bộ chỉ huy Đồng minh dự định sẽ điều quân đổ bộ trở lại Mã Lai vào tháng 9-1945 với sự phối hợp của các đơn vị du kích. Nhưng Nhật Bản đã dẫu hàng vào giữa tháng 8, quân Anh trở lại bán đảo, thành lập chế độ quân quản. Việc đầu tiên người Anh quan tâm không phải là tước vũ khí quân Nhật mà là tìm cách thu hồi vũ khí đã tiếp tế cho quân du kích trước đây. Nhưng phần lớn đã "bị thất lạc", du kích Mã Lai đã chuyển súng đạn vào rừng chuẩn bị cho cuộc chiến tiếp theo.

Tháng 3-1942, thực dân Hà Lan buộc phải dẫu hàng trước thế áp đảo của quân Nhật đổ bộ vào Indônêxia. Nhật muốn dựa vào lực lượng trí thức tư sản dân tộc ở đây mà đại diện là Xucácno và Hátta vừa được giải thoát khỏi nhà tù của thực dân Hà Lan. Về phần mình, Xucácno và Hátta - những nhà lãnh đạo Đảng Quốc dân thành lập từ năm 1927 - cũng muốn lợi dụng Nhật để giành lại độc lập cho đất nước. Theo sự thoả thuận đó, Nhật cho phép tổ chức phong trào dân tộc rộng lớn mang tên *Putera* nhằm tập hợp tất cả các lực lượng theo chủ nghĩa Quốc gia để qua đây tuyên truyền và lôi kéo quần chúng đi theo Nhật trong cuộc chiến tranh phát xít. Tháng 10-1943, đội quân *Peta* (Quân đội tình nguyện bảo vệ Tổ quốc) được thành lập do Nhật trang bị và huấn luyện. Nhưng lợi dụng những phương tiện công khai, Xucácno đã nhanh chóng tập hợp đông đảo quần chúng,

các tổ chức đại diện ở các địa phương từ Java đến Madura, thức tỉnh ý thức dân tộc nhằm tiến tới một nước Cộng hòa độc lập. Trong khi đó cả nước đã dấy lên phong trào kháng chiến chống Nhật có nhiều người cộng sản và nhiều nhà yêu nước tiến bộ tham gia. Trong thế nguy trên chiến trường, Nhật Bản hứa sẽ trao trả độc lập cho Indônêxia. Cuối tháng 3-1945 thành lập Ủy ban nghiên cứu việc chuẩn bị độc lập cho Indônêxia do Bác sĩ Rátgiman đứng đầu gồm một phó chủ tịch và 60 ủy viên đại diện các đảng phái, các địa phương trên quần đảo. Nhưng Ủy ban còn có 1 phó chủ tịch và 7 đặc phái viên là người Nhật. Phiên họp đầu tiên của Ủy ban này diễn ra từ 29-5 đến 1-6-1945. Tại đây, Xucácno công bố 5 nguyên lý cơ bản của Nhà nước Indônêxia tương lai, thường được biết đến qua tên gọi "*Pantja Sila*" nổi tiếng. Nội dung bao gồm: Chủ nghĩa quốc gia, Chủ nghĩa quốc tế hay Nhân đạo, Chế độ dân chủ, Lợi ích xã hội và Niềm tin Thượng đế.

Giữa tháng 7, Ủy ban đã thông qua bản "Hiến chương Giacacta" có ý nghĩa như một bản Dự thảo Hiến pháp. Trong tình thế nguy cấp của nước Nhật sau quả bom nguyên tử đầu tiên rơi xuống Hirôshima ngày 6-8, Tổng chỉ huy quân đội Nhật Bản ở vùng biển Phương Nam - Thống chế Bá tước Terauchi - triệu tập Xucácno, Hátta, Rátjiman đến Đà Lạt ngày 9-8 để bàn việc chuẩn bị lễ trao trả độc lập cho Indônêxia, dự tính vào ngày 24-8.

Nhưng khi trở về nước, Xucácno và Hátta đã tỏ ra lúng túng và do dự trước việc Nhật Bản tuyên bố dẫu hàng không điều kiện. Lập tức, các lực lượng kháng chiến, các đảng phái chính trị, các thành phần xã hội đều thôi thúc các ông tuyên bố độc lập, chống lại phát xít Nhật. Cuối cùng, 10 giờ sáng ngày 17-8-1945, Xucácno đã

đọc lời Tuyên bố độc lập, Indônêxia trở thành nhà nước Cộng hòa. Kế hoạch do người Nhật chuẩn bị từ Đà Lạt đã không được dùng đến! Xét về trình tự thời gian, *Indônêxia trở thành nhà nước độc lập đầu tiên ở ĐNA.*

5. Bối cảnh Việt Nam trong thời gian Thế chiến II có nhiều điểm khác với các nước trong khu vực. Việt Nam là địa điểm bị phát xít Nhật tiến công đầu tiên khi tràn xuống ĐNA nhưng chúng không vội độc chiếm, hất cẳng Pháp mà sử dụng chính quyền thực dân như công cụ phục vụ Nhật áp bức, bóc lột Đông Dương. Cuộc "đồng sàng dị mộng" Pháp-Nhật ở Đông Dương kéo dài hơn 4 năm. Từ năm 1943, thế trận của phe Trục trên thế giới bị rơi vào thế bất lợi. Cuối năm 1944, nước Pháp được giải phóng khỏi ách phát xít Đức. Nhật lo ngại lực lượng Pháp ở Đông Dương sẽ trở thành mũi dao đâm sau lưng khi quân Đồng minh đổ bộ nên đã tiến hành đảo chính đêm 9.3.1945, bắt viên Toàn quyền cùng quan chức và sĩ quan cao cấp của Pháp, xóa bỏ chính quyền thực dân. Ngày hôm sau, Nhật tuyên bố "Quy chế thuộc địa của Đông Dương thuộc Pháp đã cáo chung" và thúc giục nhà vua đứng ra đảm nhận nền "độc lập". Ngày 11-3, bản Tuyên bố của Bảo Đại có đầy đủ chữ ký của các vị trong Viện Cơ mật ghi rõ: "Nước Việt Nam sẽ cố gắng bằng chính sức mình để phát triển đất nước xứng đáng là một quốc gia độc lập theo đuổi các mục tiêu của một chính sách chung Đại Đông Á, coi mình như một nhân tố của Đại Đông Á, bằng tài nguyên thiên nhiên của mình đem lại sự thịnh vượng chung. Chính phủ Việt Nam tin tưởng vào lòng trung thành của Nhật Bản và đã xác định cộng tác với Nhật để đạt được mục đích trên" (8). Bảo Đại được sử dụng như con bài của thuyết Đại Đông Á của Nhật tại

Việt Nam. Hơn một tháng sau, ngày 17-4, một chính phủ mới được thành lập do Trần Trọng Kim làm Thủ tướng. Nhưng rồi, các thành viên chính phủ đã nhanh chóng bị vỡ mộng: "Dần dần, qua thực tế, các bộ trưởng đều thấy rõ nội các không có thực quyền, các chương trình kiến thiết quốc gia và cải thiện dân sinh đều không thể thực hiện được. Đến tháng 7, nội các đệ đơn xin từ chức, đồng thời cử người ra Hà Nội tìm cách liên lạc với Việt Minh". Giáo sư Hoàng Xuân Hãn nguyên là Bộ trưởng Giáo dục của chính phủ đó đã kể lại như vậy (9).

Vào những năm tháng đó, phong trào Việt Minh đã lan rộng trong cả nước. Tại Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5-1941), Đảng đã nhận định cuộc cách mạng Đông Dương "trong giai đoạn hiện nay là cuộc cách mạng dân tộc giải phóng", thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi là Việt Nam Độc lập Đồng minh, gọi tắt là Việt Minh, đoàn kết các tầng lớp xã hội đấu tranh đánh đuổi Pháp Nhật, giành chính quyền về tay nhân dân. Điều đáng lưu ý là trong sự lãnh đạo của mình, Đảng luôn nhấn mạnh tinh thần đấu tranh để tự giải phóng, không chút ảo tưởng vào thứ độc lập giả hiệu của Nhật cũng như không hề trông chờ vào "sự giải phóng" của quân Đồng Minh: "Không thể có ảo tưởng rằng quân Trung Quốc và quân Mỹ - Anh sẽ mang lại tự do cho ta. Không, trong cuộc chiến đấu giải phóng, ta cố nhiên phải kiếm bạn đồng minh dẫu rằng tạm thời, bấp bênh, có điều kiện, nhưng công việc của ta thì trước hết ta phải tự làm lấy" (10).

Trong thư gửi đồng bào cả nước tháng 6-1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc khẳng định "quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy" và kêu gọi toàn dân "đoàn kết thống nhất đánh đuổi Pháp Nhật" (11). Ngay sau đêm 9-3-1945, Đảng nhận định: "Sau cuộc

đào chính này, đế quốc phát xít Nhật là kẻ thù chính - kẻ thù cụ thể trước mắt - duy nhất của nhân dân Đông Dương" và chỉ thị "Đem khẩu hiệu *Đánh đuổi phát xít Nhật* thay cho khẩu hiệu *Đánh đuổi Nhật, Pháp*" (12). Nhận thức của cách mạng về đối thủ thật là rõ ràng, cho nên thái độ đấu tranh thực là dứt khoát.

Cho đến giờ phút quyết định của lịch sử, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào ngày 14-15 tháng 8 đã phân tích mâu thuẫn và khả năng thoả hiệp giữa các lực lượng trong phe Đồng minh để từ đó quyết định: "Chính sách của chúng ta là phải tránh các trường hợp một mình đối phó với nhiều lực lượng Đồng minh (Trung Quốc, Pháp, Anh, Mỹ) tràn vào nước ta và đặt chính phủ của Pháp De Gaulle hay một chính phủ bù nhìn khác trái với ý nguyện dân tộc" (13). Câu kết luận là một chỉ dẫn cực kỳ quan trọng: "Dù sao chỉ có thực lực của ta mới quyết định được sự thắng lợi giữa ta và Đồng minh" (14). Chính trên tinh thần đó, cuộc Tổng khởi nghĩa đã bùng nổ trong cả nước, chính quyền về tay nhân dân, Nhà nước độc lập được công bố, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời trước khi quân Đồng minh đặt chân lên đất nước ta. Từ đây, người Việt Nam làm chủ nước Việt Nam.

Nhà sử học Lê Thành Khôi nhận định: "Quả thực, nếu cuộc kháng chiến chống Nhật luôn được lãnh đạo bởi những người cánh tả, hoặc như Việt Minh ở Việt Nam, Hukbalahap ở Philippin, Quân đội nhân dân chống Nhật ở Mã Lai; hoặc với sự hợp tác của những người theo chủ nghĩa Quốc gia như ở Miến Điện, Indônêxia, thì riêng ở Việt Nam, cuộc cách mạng cộng sản đã thắng lợi nhờ ở sự thông tuệ của những người thủ lĩnh, họ đã tạo nên sự thống nhất mọi tiềm năng của dân tộc" (15).

6. Như vậy, trong thời gian Thế chiến II, nhân dân ĐNA vẫn không ngừng tiến hành cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Vẫn còn đó mỗi mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu nhất là mâu thuẫn giữa nhân dân các nước ĐNA với chủ nghĩa đế quốc thực dân. Có khác chăng là phát xít Nhật đã thế chân bọn thực dân Âu-Mỹ nên đến lúc này, cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc gắn liền với cuộc đấu tranh chống phát xít và trở thành một bộ phận của cuộc đấu tranh chống phát xít trên thế giới.

Bàn về thắng lợi của cuộc đấu tranh chống phát xít, người ta thường nói tới vai trò của các nước lớn trong phe Đồng minh, đó là một thực tế lịch sử và là một nhân tố có tính quyết định. Song không thể không nhắc đến sự đóng góp một cách tích cực của phong trào nhân dân các nước thuộc địa, những người ý thức rằng xương máu của đồng bào mình chẳng những hy sinh vì nền độc lập dân tộc mà còn vì cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới tiêu diệt chủ nghĩa phát xít. Lúc này, nhiệm vụ giải phóng trùng hợp với mục tiêu chống phát xít, mỗi chiến công trong cuộc đấu tranh giành độc lập là sự góp phần của nhân dân thuộc địa vào phong trào đấu tranh chống phát xít.

Ngay sau khi Nhật Bản đầu hàng không điều kiện, ngày 17-8-1945, Indônêxia tuyên bố độc lập; ngày 19-8 tổng khởi nghĩa ở Hà Nội rồi lan ra cả nước, đến ngày 2-9 thành lập Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tiếp sau đó là nước Lào độc lập ra đời ngày 12-10-1945.

Việc tuyên bố độc lập ở ba nước ĐNA khi cuộc Thế chiến vừa kết thúc là kết quả của một quá trình đấu tranh lâu dài và gian khổ. Nó không chỉ là những quốc gia đầu tiên ở ĐNA thoát khỏi ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc mà còn là những quốc gia đầu tiên phá vỡ hệ thống thuộc địa trên phạm vi thế giới. Nó đánh dấu sự chuyển mình của các dân tộc bị áp bức, mở ra một

thời kỳ mới của cao trào giải phóng dân tộc khắp châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh.

Một trang sử mới bắt đầu với các dân tộc thuộc địa nói chung và nhân dân ĐNA nói riêng. Bước đường đấu tranh cho độc lập và phát triển ở ĐNA đã phải vượt qua nhiều

thác ghềnh, trải qua nhiều khúc quanh. Song đến nay, 60 năm đã qua từ sau Thế chiến, Đông Nam Á đang tiến bước vào Thế kỷ mới với Tầm nhìn 2020, cùng nhau xây dựng một cộng đồng ĐNA hòa bình, ổn định và phát triển bền vững.

## CHÚ THÍCH

(1). Tham khảo số liệu chi tiết tại Hồ sơ số 1358, Phòng Thống sứ Bắc Kỳ, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I.

(2). J. Decoux: *Conseil fédéral Indochinois*. Hồ sơ số 1380, phòng Toàn quyền, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I.

(3). J. Decoux: *Lịch sử chính phủ Toàn quyền của tôi*. Bản dịch tiếng Việt, Tư liệu Khoa Lịch sử, Đại học Tổng hợp, Hà Nội.

(4). Tham khảo các báo cáo chi tiết tại Hồ sơ số 7311, Phòng Tòa Đốc lý Hà Nội, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I.

(5). Furuta Motoo: *Nghiên cứu lịch sử và ký ức chiến tranh (Điều tra về nạn đói năm 1945 ở Việt Nam)*. Tạp chí *Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội - Chuyên san KHXHNV*, số 3 (2002), tr. 11-12.

(6). D.G.E. Hall: *Lịch sử Đông Nam Á*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội. 1997, tr. 1172 - 1173.

(7). Ba Than: *The Roots of the Revolution*, Rangoon 1962, tr. 44.

(8). *Lời tuyên cáo của Nội các*. Hồ sơ số 3485, Phòng Tòa Đốc lý Hà Nội, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I.

(9). Xem Vũ Dương Ninh: *Ba tiếng đồng hồ với nhà bác học*, in trong *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn (1908 - 1996)*. Tập I, Nxb. Giáo dục, Hà Nội. 1998, tr. 198.

(10). *Văn kiện Đảng 1930 - 1945*, tập III, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng xuất bản, Hà Nội. 1977, tr. 292

(11), (12). *Văn kiện Đảng 1930 - 1945*, tập III. Sdd, tr. 237 - 238.

(13), (14). *Văn kiện Đảng 1930 - 1945*, tập III. Sdd, tr. 385, 417.

(15). Lê Thành Khôi: *Introduction* trong *L'Asie du Sud - Est*, Tome I. Nxb. Sirey, Paris 1970, tr.21 - 22.

